

Đ/c Hues - UBND <Pha Thua 19>

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **03** /2019/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày **21** tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của “Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hà Nam” ban hành kèm theo Quyết định số 37/2013/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh

TƯ PHÁP TỈNH HÀ NAM	
ĐANG	SỐ: 238
ẤN	Ngày: 25/3/2019
ĐẾN	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTUMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nội vụ, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của “Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hà Nam”, ban hành kèm theo Quyết định số 37/2013/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh, như sau:

1. Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Bảo đảm tính tự quản của cộng đồng dân cư, chấp hành sự quản lý nhà nước trực tiếp của chính quyền cấp xã và sự lãnh đạo của cấp ủy đảng.

2. Tuân thủ pháp luật, thực hiện theo hương ước (quy ước); đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch.

3. Không chia tách các thôn, tổ dân phố đang hoạt động ổn định; thực hiện sáp nhập các thôn, tổ dân phố phù hợp với điều kiện, đặc điểm từng địa phương.

4. Trường hợp do quy hoạch giải phóng mặt bằng, quy hoạch giãn dân, hoặc nơi có địa hình bị chia cắt phức tạp, địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn thì điều kiện thành lập thôn, tổ dân phố mới có thể thấp hơn quy định. Trong trường

hợp cộng đồng dân cư mới hình thành không đủ điều kiện thành lập thôn mới, tổ dân phố mới thì ghép vào thôn, tổ dân phố liền kề.

2. Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 4. Tổ chức của thôn, tổ dân phố

1. Mỗi thôn có Trưởng thôn; mỗi tổ dân phố có Tổ trưởng tổ dân phố. Trường hợp cần thiết (*thôn, tổ dân phố loại 1; thôn, tổ dân phố có địa hình phức tạp, có nhiều khu dân cư*) thì có thể bố trí 01 Phó Trưởng thôn; 01 Phó Tổ trưởng tổ dân phố.

2. Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lựa chọn sau khi thống nhất với Trưởng Ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố; Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố”.

3. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“ Điều 5. Phân loại thôn, tổ dân phố”

Căn cứ quy mô số hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố; được phân loại như sau:

1. Thôn được phân thành 03 loại:

- a) Thôn loại 1: Có từ 500 hộ gia đình trở lên;
- b) Thôn loại 2: Có từ 350 hộ gia đình đến dưới 500 hộ gia đình;
- c) Thôn loại 3: Có dưới 350 hộ gia đình.

2. Tổ dân phố được phân thành 03 loại:

- a) Tổ dân phố loại 1: Có từ 600 hộ gia đình trở lên;
- b) Tổ dân phố loại 2: Có từ 400 hộ gia đình đến 600 hộ gia đình;
- c) Tổ dân phố loại 3: Có dưới 400 hộ gia đình.

3. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định kết quả phân loại thôn, tổ dân phố.

4. Điều 6 được sửa đổi bổ sung như sau:

“Điều 6. Nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố”

1. Cộng đồng dân cư ở thôn, tổ dân phố bàn, quyết định chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng trong phạm vi cấp xã, thôn, tổ dân phố do nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí và các công việc tự quản trong nội bộ cộng đồng dân cư phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Cộng đồng dân cư tham gia bàn và biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định; tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định về các công việc của thôn, tổ dân phố và của cấp xã theo quy định của Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

3. Xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố; tham gia tự quản trong việc giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội và vệ sinh môi trường; giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp ở địa phương, phòng, chống các tệ nạn xã hội.

4. Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tham gia, hưởng ứng các phong trào, cuộc vận động do Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát động.

5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố”.

5. Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 13. Điều kiện thành lập, sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố; quy trình và hồ sơ thành lập, sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên, ghép cụm dân cư của thôn, tổ dân phố”.

1. Điều kiện thành lập thôn mới, tổ dân phố mới

a) Trong trường hợp do khó khăn trong công tác quản lý của chính quyền cấp xã, tổ chức hoạt động của thôn, tổ dân phố yêu cầu phải thành lập thôn mới, tổ dân phố mới thì việc thành lập thôn mới, tổ dân phố mới phải đạt các điều kiện sau:

- Quy mô số hộ gia đình:

+ Đối với thôn ở xã, thị trấn có từ 300 hộ gia đình trở lên;

+ Đối với tổ dân phố ở phường, thị trấn có từ 350 hộ gia đình trở lên.

- Các điều kiện khác:

Cần có cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và bảo đảm ổn định cuộc sống của người dân.

b) Đối với các trường hợp đặc thù

- Thôn, tổ dân phố nằm trong quy hoạch giải phóng mặt bằng, quy hoạch giãn dân, thôn nằm ở nơi có địa hình bị chia cắt phức tạp; thôn có địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn thì quy mô thôn có từ 50 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 100 hộ gia đình trở lên.

- Thôn, tổ dân phố đã hình thành từ lâu do xâm canh, xâm cư cần thiết phải chuyển giao quản lý giữa các đơn vị hành chính cấp xã để thuận tiện trong hoạt động và sinh hoạt của cộng đồng dân cư mà không làm thay đổi đường địa giới hành chính cấp xã thì thực hiện giải thể và thành lập mới thôn, tổ dân phố theo quy định. Trường hợp không đạt quy mô về số hộ gia đình thì thực hiện ghép cụm dân cư theo quy định tại khoản 5.5, Điều 1 quyết định này.

2. Điều kiện sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố

a) Trường hợp sáp nhập thôn, tổ dân phố

- Đối với các thôn, tổ dân phố có quy mô số hộ gia đình dưới 50% quy mô số hộ gia đình quy định tại điểm a, khoản 5.1, Điều 1 quyết định này thì phải sáp nhập với thôn, tổ dân phố liền kề;

- Đối với các thôn, tổ dân phố đạt từ 50% quy mô số hộ gia đình trở lên theo quy định tại điểm a, khoản 5.1, Điều 1 quyết định này ở những nơi có đủ điều kiện thì thực hiện sáp nhập;

- Trong quá trình thực hiện sáp nhập thôn, tổ dân phố cần xem xét đến các yếu tố đặc thù về vị trí địa lý, địa hình và phong tục tập quán của cộng đồng dân cư tại địa phương;

- Đề án sáp nhập thôn, tổ dân phố phải được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình của từng thôn, tổ dân phố sáp nhập tán thành.

b) Trường hợp giải thể thôn, tổ dân phố do Nhà nước thu hồi đất để giải phóng mặt bằng hoặc do sắp xếp, ổn định dân cư và các trường hợp khác được cấp có thẩm quyền quyết định thì việc di dân, bố trí dân cư và giải quyết các vấn đề liên quan khác được thực hiện theo Phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư hoặc Đề án sắp xếp, ổn định dân cư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Tên của thôn, tổ dân phố do thành lập mới hoặc sáp nhập không được trùng với tên của thôn, tổ dân phố hiện có trong cùng một đơn vị hành chính cấp xã;

d) Việc đổi tên thôn, tổ dân phố được thực hiện theo nguyện vọng của nhân dân sinh sống tại thôn, tổ dân phố”.

3. Quy trình và hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới

a) Căn cứ nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố quy định tại khoản 1, Điều 1 và điều kiện thành lập thôn mới, tổ dân phố mới quy định tại khoản 5.1, Điều 1 quyết định này, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương thành lập thôn mới, tổ dân phố mới; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới. Nội dung chủ yếu của Đề án gồm:

- Sự cần thiết thành lập thôn mới, tổ dân phố mới;

- Tên gọi của thôn mới, tổ dân phố mới;

- Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn mới, tổ dân phố mới;

- Các điều kiện khác phải đảm bảo: Thôn và tổ dân phố phải có cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và ổn định cuộc sống của người dân. Riêng đối với thôn phải bảo đảm diện tích đất ở và đất sản xuất bình quân của mỗi hộ gia đình ít nhất bằng mức bình quân chung của xã.

- Đề xuất, kiến nghị.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, tổ dân phố mới về Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến về Đề án.

c) Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, tổ dân phố mới

tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến) trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất. Trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

d) Trong thời hạn mười lăm ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện có Tờ trình (kèm hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới của Ủy ban nhân dân cấp xã) gửi Sở Nội vụ để thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Thời hạn thẩm định của Sở Nội vụ không quá mười lăm ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình và hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

đ) Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh gồm:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện (kèm theo Tờ trình và hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới của Ủy ban nhân dân cấp xã trình Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này);

- Văn bản thẩm định của Sở Nội vụ.

e) Căn cứ hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện và kết quả thẩm định của Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét ban hành Nghị quyết thành lập thôn mới, tổ dân phố mới.

4. Quy trình và hồ sơ sáp nhập, giải thể và đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố

a) Quy trình và hồ sơ sáp nhập thôn, tổ dân phố được áp dụng thực hiện như quy trình và hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới quy định tại khoản 5.3, điều 1, quyết định này.

b) Chuyển thôn thành tổ dân phố trong trường hợp thành lập phường, thị trấn từ đơn vị hành chính xã:

Căn cứ Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập phường, thị trấn từ đơn vị hành chính xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chuyển thôn thành tổ dân phố thuộc phường, thị trấn.

c) Đối với trường hợp giải thể thôn, tổ dân phố:

Sau khi thực hiện Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc Đề án sắp xếp, ổn định dân cư và các trường hợp khác được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh lập Tờ trình kèm theo Danh sách các hộ gia đình thuộc thôn, tổ dân phố liên quan trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định giải thể thôn, tổ dân phố.

d) Việc đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố:

- Việc đặt tên thôn, tổ dân phố được thực hiện trong quy trình lập hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới, sáp nhập thôn, tổ dân phố;

- Việc đổi tên thôn, tổ dân phố thực hiện theo các bước như sau:

Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ gồm: Tờ trình và Phương án đổi tên thôn, tổ dân phố (phương án cần nêu rõ lý do của việc đổi tên thôn, tổ dân phố; tên của thôn,

tổ dân phố sau khi đổi tên...) và tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố về phương án đổi tên thôn, tổ dân phố, tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến;

Phương án đổi tên thôn, tổ dân phố nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua Phương án đổi tên thôn, tổ dân phố; trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện có Tờ trình kèm theo hồ sơ gửi Sở Nội vụ thẩm định;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp huyện chuyển đến, Sở Nội vụ thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét đề trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết về việc đổi tên thôn, tổ dân phố”.

5. Quy trình và hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có

a) Đối với trường hợp ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có theo quy định tại điểm d, Khoản 1, Điều 1 quyết định này thì sau khi có quyết định về chủ trương của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có. Nội dung chủ yếu của Đề án gồm:

- Sự cần thiết ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có;
- Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn, tổ dân phố sau khi ghép;
- Đề xuất, kiến nghị.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư (bao gồm cụm dân cư và thôn, tổ dân phố hiện có) về Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến về Đề án.

c) Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến) trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất. Trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Trường hợp Đề án chưa được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến lần thứ 2; nếu vẫn không được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày có biên bản lấy ý kiến lần thứ 2, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.

d) Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện gồm:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này.

đ) Trong thời hạn mười lăm ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xem xét, thông qua và giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định việc ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có.

6. Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn và Tổ trưởng tổ dân phố

1. Nhiệm vụ:

- a) Triệu tập và chủ trì hội nghị thôn, tổ dân phố; tổ chức thực hiện những công việc thuộc phạm vi thôn, tổ dân phố đã được nhân dân bàn và quyết định; bảo đảm các nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố theo quy định tại Khoản 4, Điều 1 Quyết định này.
- b) Vận động, tổ chức nhân dân thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở và hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;
- c) Tập hợp, phản ánh, đề nghị chính quyền cấp xã giải quyết những kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của nhân dân trong thôn, tổ dân phố. Báo cáo kịp thời với Ủy ban nhân dân cấp xã về những hành vi vi phạm pháp luật trong thôn, tổ dân phố;
- d) Thực hiện việc lập biên bản về kết quả đã được nhân dân thôn, tổ dân phố bàn và quyết định trực tiếp những công việc của thôn, tổ dân phố; lập biên bản về kết quả đã được nhân dân thôn, tổ dân phố bàn và biểu quyết những công việc thuộc phạm vi cấp xã; báo cáo kết quả cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;
- đ) Phối hợp với Ban công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị-xã hội ở thôn, tổ dân phố để vận động nhân dân tham gia thực hiện các phong trào và cuộc vận động do các tổ chức này phát động;
- e) Sáu tháng đầu năm và cuối năm phải báo cáo kết quả công tác trước hội nghị thôn, tổ dân phố.

2. Quyền hạn:

- a) Được ký hợp đồng về xây dựng công trình do nhân dân trong thôn, tổ dân phố đóng góp kinh phí đầu tư đã được hội nghị thôn, tổ dân phố thông qua và bảo đảm các quy định liên quan của chính quyền các cấp;
- b) Được phân công nhiệm vụ giải quyết công việc cho Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố; được chính quyền cấp xã mời họp và cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến quản lý, hoạt động của thôn, tổ dân phố; được bồi dưỡng, tập huấn về công tác tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố”.

7. Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 16. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố”

1. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố:

a) Trên cơ sở thống nhất với Chi ủy Chi bộ, Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố đề cử danh sách đề Hội nghị của thôn, tổ dân phố bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; tại hội nghị này, cử tri tại thôn, tổ dân phố có thể tự ứng cử hoặc giới thiệu người ứng cử. Căn cứ kết quả bầu cử, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố;

b) Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

- Quy trình bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố: được thực hiện theo quy định tại Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20 của Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hà Nam (*Ban hành kèm theo Quyết định số 37/2013/QĐ-UBND ngày 01/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh*);

- Quy trình miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố: được thực hiện theo quy định tại Điều 22, Điều 23 của Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hà Nam (*Ban hành kèm theo Quyết định số 37/2013/QĐ-UBND ngày 01/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh*).

2. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố:

a) Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố có nhiệm kỳ là 2,5 năm (Hai năm rưỡi). Trường hợp do thành lập thôn mới, tổ dân phố mới hoặc khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trong thời hạn không quá sáu tháng kể từ ngày có quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời.

b) Nhiệm kỳ của Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố, thực hiện theo nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố”.

8. Khoản 3, Điều 25 được sửa đổi bổ sung như sau:

“ Điều 25. Trách nhiệm thi hành

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Quản lý, chỉ đạo hoạt động của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trên địa bàn đảm bảo theo đúng quy định tại quyết định này và Quy chế về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hà Nam (*Ban hành kèm theo Quyết định số 37/2013/QĐ-UBND ngày 01/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh*).

b) Định kỳ tháng 10 hàng năm, báo cáo kết quả tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (qua Phòng Nội vụ).

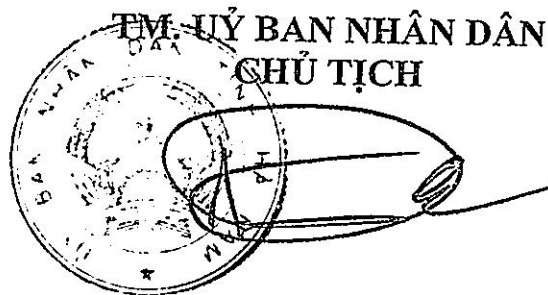
Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2019 và bãi bỏ các điều: Điều 3; Điều 4; Điều 5; Điều 6; Điều 13; Điều 14; Khoản 1, Điều 15; Điều 16; khoản 3, Điều 25 của Quy chế về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân

phổ trên địa bàn tỉnh Hà Nam (Ban hành kèm theo Quyết định số 37/2013/QĐ-UBND ngày 01/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam).

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Đ*

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Như Điều 3;
- Công báo Hà Nam;
- Lưu: VT, NC.



Nguyễn Xuân Đông